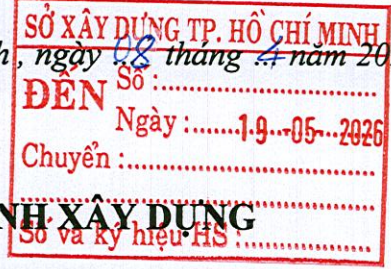


Số: 1088 / CV-NC

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt  
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2026



**CÔNG BỐ NĂNG LỰC  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

**Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÍA NAM công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

**1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1.1. Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÍA NAM (TEDI South).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0300422323, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: Số 530 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông NGUYỄN TUẤN DŨNG

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông ĐẶNG MINH HẢI

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: (028) 38299988

Fax: (028) 38292661

E-mail: [tedisouth@tedisouth.com](mailto:tedisouth@tedisouth.com)

Website: [www.tedisouth.com](http://www.tedisouth.com)

Mã số thuế: 0300422323

**1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM – XÍ NGHIỆP TƯ VẤN ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH**

Địa chỉ: Số 98/13 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trưởng phòng thí nghiệm: PHẠM MINH HOÀNG

Điện thoại: 0913924362

Email: [hoang.tedis@gmail.com](mailto:hoang.tedis@gmail.com)

(Kê thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD: LAS-XD 58.005 do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp tại Giấy chứng nhận số 18773/GCN-SXD-VLXD, ngày 01/12/2023 và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bổ sung) số 105/GCN-SXD-KT&VLXD, ngày 31/12/2024).

**1.3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường: Không có.**

## 2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

### 2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
<b>THỬ NGHIỆM ĐẤT XÂY DỰNG</b>			
1	Khối lượng riêng (Tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ASTM D854-14 AASHTO T100-15 ISO 17892-3:2015	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-19 AASHTO T265-22 ISO 17892-1:2014	Hộp nhôm, tủ sấy 101-2, cân kỹ thuật
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024 ASTM D4318-17 AASHTO T89-10; AASHTO T90-17 ISO 17892-12:2018	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy Humboldt H-4228, tấm kính, hộp nhôm, tủ sấy 101-2, cân kỹ thuật
4	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14134-3:2024; TCVN 14135-5:2024 ASTM D6913/6913M-17; ASTM D7928-21 AASHTO T88-10 ISO 17892-4:2004	Bộ rây tiêu chuẩn, tỷ trọng kế đất 152H, cân kỹ thuật
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 ASTM D3080/3080M-11 ISO 17892-10:2018	Máy cắt phẳng ứng biến tứ liên ZJ + vòng lực
6	Sức chống cắt trên máy nén ba trục	TCVN 8868:2011 ASTM D2850-23; ASTM D4767-20; ASTM D7181-20 AASHTO T296-05; T297-00 ISO 17892-8, 9:2018	Máy nén ba trục tự động GEOCOMP, máy nén ba trục TSZ-2.0 + Load cell
7	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 ASTM D2435/2435M-20; ASTM D4186-20 AASHTO T216-03 ISO 17892-5:2017	Máy nén cố kết tam liên cao áp WG1 + đồng hồ so, máy nén cố kết tam liên trung và thấp áp GDG + đầu đo chuyển vị điện tử
8	Cường độ kháng nén trong điều kiện có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D 2166/2166M-16 AASHTO T208-05 ISO 17892-7:2004	Máy nén ba trục TSZ-2.0 + Load cell, máy nén đa năng Phoenix Auriga 50kN
9	Độ chặt tiêu chuẩn và cải tiến (thí nghiệm đầm nén)	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 ASTM D698-21, ASTM D1557-21 AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Máy đầm nén Proctor TBT.SJS-1HA, máy đầm nén STDJ-3, khuôn đầm nén, cân kỹ thuật
10	Khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937-17 ISO 17892-2:2014	Dao vòng, cân kỹ thuật
11	Moduyn đàn hồi trong phòng thí nghiệm (bàn ép)	TCVN 9843:2013 AASHTO T307-07	Máy nén cố kết tam liên cao áp WG1 + đồng hồ so, bàn ép
12	Sức chịu tải CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 ASTM D1883-21 AASHTO T193-04	Máy đầm nén Proctor TBT.SJS-1HA, máy đầm nén STDJ-3, khuôn CBR, máy nén đa năng Phoenix Auriga 50kN
13	Các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012 ASTM D4829-21 AASHTO T258-04	Máy nén cố kết tam liên cao áp WG1, hộp nén, đồng hồ đo biến dạng
14	Các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012 ASTM D4943-18	Khuôn mẫu, dao vòng, thước cặp.
15	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012, ASTM D4253-16, ASTM D4254-16	Cối đầm, thiết bị đầm chặt, cân điện tử, sàng tiêu chuẩn.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
16	Các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012	Máy nén, hộp nén, đồng hồ đo biến dạng.
17	Hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012 ASTM D2434-22 AASHTO T215-03 ISO 17892-11:2019	Thiết bị đầu thấm, hộp thấm, dao vòng, ống mẫu thấm, đồng hồ bấm giây.
18	Góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghi, thùng chứa nước.
19	Hàm lượng hữu cơ tồn thất khi nung	TCVN 8726:2012 ASTM D2974-20 AASHTO T194-08, AASHTO T267-08	Lò nung SX2-2.5-10, cân kỹ thuật, dụng cụ thí nghiệm hoá
20	Gia cố nền đất yếu – Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012	Máy trộn mẫu đất-xi măng, máy nén đa năng Phoenix Auriga 50kN.
<b>THỬ NGHIỆM ĐÁ</b>			
21	Độ ẩm và độ hút nước của đá	TCVN 10321:2014 ASTM C70-20	Tủ sấy 101-2, cân kỹ thuật
22	Khối lượng thể tích của đá	TCVN 10322:2014 ASTM C127-15	Máy khoan đá, máy cắt đá, thước kẹp, cân kỹ thuật
23	Độ bền nén một trục của đá	TCVN 10324:2014 ASTM C170/170M-17; ASTM D2938-02	Máy cắt đá, máy nén ELE ADR 1500
<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>			
24	Thành phần hạt cốt liệu	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136/136M-20 AASHTO T27-11; AASHTO T30-22; AASHTO T37-11	Bộ rây phân tích, cân kỹ thuật
25	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ASTM C127-15; ASTM C128-22 AASHTO T84-13	Cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh, bình tỷ trọng
26	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; TCVN 10322:2014 ASTM C127-15 AASHTO T85-22	Thùng đong 15L, cân điện tử, bàn cân thủy tĩnh
27	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp cốt liệu	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29/29M-23 AASHTO T19/19M-14	Thùng đong 5L, 15L, cân kỹ thuật
28	Độ ẩm, độ hút ẩm cốt liệu	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321:2014 ASTM C70-20 AASHTO T255-22	Hộp nhôm, tủ sấy, cân kỹ thuật
29	Hàm lượng chung bụi bùn sét và sét cục	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117-17; ASTM C142/142M-23 AASHTO T11-15	Thùng rửa mẫu, cân kỹ thuật
30	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40-20 AASHTO T21-05	Lò nung SX2-2.5-10, cân kỹ thuật
31	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131/131M-20; ASTM C535-16 AASHTO T96-02	Máy mài mòn tang quay, bộ viên bi thép, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 101-2.
32	Hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791-19	Thước kẹp, cân kỹ thuật

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
33	Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006 ASTM C227-10; ASTM C289-07	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2, lò nung SX2-2.5-10, bộ sàng tiêu chuẩn, bình phản ứng, máy hút chân không, hoá chất cần thiết.
34	Hàm lượng Clorua trong cốt liệu và trong bê tông	TCVN 7572-15:2006 ASTM C1152/1152M-20	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 101-2, lò nung SX2-2.5-10, cốc mô, ống đong, hoá chất cần thiết.
35	Hàm lượng Sunfat, Sunfit	TCVN 7572-16:2006	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 101-2, lò nung SX2-2.5-10, cốc mô, ống đong, hoá chất cần thiết.
36	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 ASTM C142/142M-23 AASHTO T112-04	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2, sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm.
37	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 ASTM D5821-17 AASHTO T335-13	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, kính lúp.
38	Hàm lượng Mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, tủ sấy 101-2.
39	Hệ số đương lượng cát (ES); Hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM D2419-22; ASTM C123/123M-14, AASHTO T176-22; AASHTO T113-18	Thiết bị xác định hệ số đương lượng của cát, cân kỹ thuật, thước đo.
40	Cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10324:2014 ASTM C170/170M-17; ASTM D2938-02	Máy nén ADR 1500 ELE, thùng ngâm mẫu.
41	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 ASTM C170/170M-17	Máy nén ADR 1500 ELE, xi lanh bằng thép $\phi 75$ và $\phi 150$ , cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy 101-2, thùng ngâm mẫu.
<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ ĐÁT ĐÁ GIA CÓ CHẤT KẾT DÍNH</b>			
42	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử hỗn hợp bê tông và bê tông	TCVN 3105:2022 ASTM C24-22 AASHTO T24-05	Máy trộn bê tông B-150, khuôn đúc mẫu các loại, bàn rung, tủ dưỡng ẩm HBY-40B, dụng cụ lấy mẫu.
43	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143/143M-20 AASHTO T119-05	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại.
44	Độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022 ASTM C1170/1170M-20	Bộ thử độ cứng VEBE, bàn rung, que chọc, đồng hồ bấm giây.
45	Khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993 ASTM C138/138M-23 AASHTO T121-05	Cân kỹ thuật, khuôn các loại, bàn rung.
46	Độ tách nước và độ tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M-21 AASHTO T158-05	Khuôn thép, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật, thước lá kim loại, ống đong, pipet, tủ sấy 101-2.
47	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:2022	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy 101-2.
48	Khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022 ASTM C642-21	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy 101-2.
49	Độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022 ASTM C642-21	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy 101-2.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
50	Khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022 ASTM C138/138M-23; ASTM C642-21 AASHTO T121-05	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu parafin, tủ sấy 101-2.
51	Độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022 ASTM C1585-20	Máy thử độ chống thấm, tủ sấy, giá ép mẫu.
52	Độ co của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157/157M-17 AASHTO T160-01	Đồng hồ đo co ngót, chốt và đầu đo, tủ khí hậu.
53	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022 TCVN 9438:2012 ASTM C39/39M-21 AASHTO T22-20	Máy nén bê tông (đắt đá gia cố) BT 3000KN.
54	Cường độ chịu kéo khi bừa (ép chẻ)	TCVN 3120:2022 TCVN 8862:2011 ASTM C496/496M-17	Máy nén BT 3000KN, gối truyền tải.
<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>			
55	Độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6926-20; ASTM D6927-22 AASHTO T245-04, AASHTO T283-03	Máy đầm mẫu Marshall, bộ khuôn đúc mẫu bê tông nhựa, máy đầm mẫu Marshall STMJ-1, máy trộn bê tông nhựa STLJ-4, bể điều nhiệt, nhiệt kế.
56	Hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172/2172M-17 AASHTO T164-05	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy 101-2, lò nung SX-2, cân kỹ thuật, ống đong.
57	Phân tích thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ASTM C136/136M-20	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2.
58	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041/2041M-19 AASHTO T209-05	Cân kỹ thuật, bình đựng mẫu, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy 101-2.
59	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ASTM D2726/2726M-21 AASHTO T166-05	Cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh, tủ sấy 101-2, nhiệt kế.
60	Độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011 ASTM D6390-17 AASHTO T305-01	Tủ sấy 101-2, thiết bị xác định độ chảy của nhựa HM-56, cân kỹ thuật.
61	Độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân kỹ thuật, ống đong, phễu, giá đỡ, khay.
62	Hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011 ASTM D2950/2950M-22 AASHTO T230-04	Máy khoan mẫu BTN, cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh, tủ sấy, nhiệt kế.
63	Độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 ASTM D3203/3203M-22 AASHTO T269-03	Bình đựng mẫu, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh.
64	Độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011 ASTM D3203/3203M-22 AASHTO T269-03	Cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh, tủ sấy, nhiệt kế.
65	Độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Bình đựng mẫu, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh.
66	Độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy đầm mẫu Marshall STMJ-1, máy trộn bê tông nhựa, bể

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
			điều nhiệt, nhiệt kế.
<b>THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG</b>			
67	Phân tích thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 ASTM D546-17 AASHTO T37-01	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2.
68	Hàm lượng mất khi nung của bột khoáng	TCVN 7572-9:06 ASTM C40-20 AASHTO T21-05	Cân kỹ thuật, lò nung SX-2, chén sứ, bình hút ẩm.
69	Hàm lượng nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 ASTM C566-19 AASHTO T255-22	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2, hộp nhôm.
70	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 7572-5:2006	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, nhiệt kế, tủ sấy 101-2, sàng tiêu chuẩn.
71	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	TCVN 7572-6:2006	Cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh.
72	Hệ số háo nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2, hộp nhôm.
73	Hàm lượng chất hoà tan trong nước của bột khoáng	TCVN 7572-15, 16:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy 101-2.
74	Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	TCVN 7572-5:2006	Bình tỷ trọng, Cân kỹ thuật, máy hút chân không, nhiệt kế, tủ sấy 101-2, sàng tiêu chuẩn.
75	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	TCVN 7572-6:2006	Dụng cụ đúc mẫu, cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh.
76	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	TCVN 8719:2012	Dụng cụ đúc mẫu, cân kỹ thuật, bàn cân thủy tĩnh, máy hút chân không.
77	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	TCVN 8860-2:2011	Dụng cụ Vica có phụ tải, cân kỹ thuật.
<b>THỬ NGHIỆM HOÁ NƯỚC</b>			
78	Độ pH	TCVN 6492:2011 ASTM D5464-16 ISO 10523:2008	Máy đo pH, chất chuẩn độ
79	Hàm lượng ion Clorua ( $Cl^-$ ), Sunfat ( $SO_4^{2-}$ )	TCVN 6194:1996; TCVN 6200:1996 ASTM D512-23; ASTM D516-22 ISO 9280:1990	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mò, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
80	Hàm lượng ion Canxi ( $Ca^{2+}$ ), Magie ( $Mg^{2+}$ )	TCVN 6198:1996; TCVN 6224:1996 ISO 6059:1984	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mò, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
81	Hàm lượng cặn toàn phần, cặn hoà tan, cặn không tan; hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân kỹ thuật, tủ sấy Ecocell 111 Eco MMM, lò nung, chén sứ, phễu, giấy lọc.
82	Hàm lượng Amoni	TCVN 5988:1995	Cân kỹ thuật, bình định mức, bình nón, ống hút, ống chuẩn độ.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
83	Hàm lượng Cacbonic (CO <sub>2</sub> tự do, CO <sub>2</sub> ăn mòn), tổng độ cứng, độ cứng tạm thời	EN 13577:2007	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc..
84	Hàm lượng tạp chất hữu cơ (Chỉ số pemanganat)	TCVN 6186:1996	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
85	Váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt.
86	Hàm lượng Mangan, Sắt, Amoniac, Nitrat, Nitrit	TCVN 7131:2016	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
<b>THỬ NGHIỆM HOÁ ĐẤT (NƯỚC CHIẾT)</b>			
87	Hàm lượng hữu cơ tồn thất khi nung của nước chiết	TCVN 8726:2012 ASTM D2974-20 AASHTO T267-08	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
88	Độ pH của nước chiết	TCVN 5979:1995 ASTM D4972-19 AASHTO T289-04	Máy đo pH, chất chuẩn độ
89	Hàm lượng ion Clorua của nước chiết	TCVN 8727:2012 ASTM D512-23	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
90	Hàm lượng ion Sunfat của nước chiết	TCVN 8727:2012 ASTM D516-22	Cân kỹ thuật, bình nón, bình định mức, cốc mô, ống hút, ống chuẩn độ, phễu, giấy lọc.
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
91	Xác định môđun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011 ASTM D1195/1195M-21 AASHTO T221-04	Kích thủy lực, tấm ép
92	Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4695-20 AASHTO T256-01	Cần Benkelman
93	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 ASTM D1556/1556M-15 AASHTO T191-04	Côn rót cát, thùng đong, cân kỹ thuật
94	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012 ASTM D2937-17 AASHTO T204-96	Dao vòng, cân kỹ thuật
95	Xác định độ chặt của đất sau đầm nén	TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020	Côn rót cát, thùng đong, dao vòng, cân kỹ thuật
96	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT), xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng, áp lực nước lỗ rỗng tiêu tán Dissipation (CPTu)	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013 ASTM D 5778-20; ASTM D6067/6067M-17 ISO 22476-1:2012	Thiết bị xuyên tĩnh, đầu đo
97	Thí nghiệm xuyên Thụy Điển SWS (Weight sounding test)	ISO 22476-10:2012	Đầu xuyên Thụy Điển
98	Thí nghiệm cắt cánh	TCVN 10184:2021 ASTM D2573/2573M-18 AASHTO T223-00	Thiết bị cắt cánh
99	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan	ASTM D 4719-20 ISO 22476-4:2012	Thiết bị nén ngang

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
100	Điện trở suất của đất	TCVN 9385:2012 ASTM G57-20	Thiết bị đo điện trở suất
101	Độ ẩm của đất	TCVN 8728:2012	Hộp nhôm, cân kỹ thuật, bếp cồn, bếp ga
102	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-09	Kích gia tải, đầu xuyên, vòng lực, đồng hồ đo độ xuyên, các tấm gia tải.
103	Độ bằng phẳng bằng thước dài 3.0 mét	TCVN 8864:2011 ASTM E950/950M-22 ASTM E1082-17	Thước thẳng 3.0m, các con nêm.
104	Độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965-19	Cát chuẩn, ống đong, bàn xoa, thước đo, cân kỹ thuật.
105	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất, đá	TCVN 8869:2011 ASTM D4630-19; D7764-20 AASHTO T252-04	Thiết bị đo mực nước, các loại đầu đo.
106	Độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2012	Thiết bị cấp nước, ống lọc, thiết bị đo mực nước, đồng hồ bấm giây.
107	Hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan	TCVN 9148:2012 ASTM D4105/4105M-20 ISO 22282-4:2012	Máy bơm, máy nén khí, các loại ống dẫn khí, ống nâng nước, ống đo mực nước.
108	Độ thấm nước của đá bằng thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149:2012	Máy bơm, lưu lượng kế, áp kế, dụng cụ đo mực nước, các loại nút bít.
109	Bê tông nặng – Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012 ASTM C805/805M-18	Súng bật nảy.
110	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012 ASTM D1586-18 AASHTO T206-03	Đầu xuyên SPT, bộ búa đóng.
111	Môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012 ASTM D1194-94	Tấm nén, thiết bị chất tải, đồng hồ đo biến dạng
112	Cọc - Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012 ASTM D5882-16	Thiết bị tạo xung lực, các đầu đo vận tốc vòng lực, thiết bị thu và hiển thị tín hiệu.
113	Cọc – Tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 ASTM D1143/1143M-20	Kích thủy lực, hệ phân lực.
114	Thí nghiệm xuyên động DCP	ASTM D7380/7380M-21 ASTM D6951/D6951M-23	Mũi xuyên côn, cần dẫn, búa đóng.
115	Lấy mẫu bê tông bằng khoan cấu kiện	ASTM C42/42M-20 AASHTO T24-05	Máy khoan lõi bê tông, máy cưa cắt lõi, thước đo.

## 2.2. Danh mục máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
1	Cân điện tử VIBRA AJ-4200E 4200/0.01g	A2.4	1	Nhật	2022	11/2026	022-22/KA	00000890	1377/QĐ-TCKT	Thí nghiệm khối lượng riêng, độ ẩm, giới hạn cháy dẻo, phân tích hạt...
2	Cân kỹ thuật OHAUSS SPX 2202 2200/0.01g	A4.1	1	Mỹ	2026	5/2027	48/2026/HĐM B/XNDIACHA T-TPS	2949	48/2026/HĐMB/XNDIACHAT-TPS	Thí nghiệm các chỉ tiêu cốt liệu cho bê tông và vữa, các thí nghiệm hiện trường..
3	Cân kỹ thuật VMC FHB 3200 3200/0.01g	A1.1	1	Trung Quốc	2023	4/2027	102/2023/HĐ MB/XNDIACHA HAT-TPS	6218		Thí nghiệm khối lượng riêng, độ ẩm, giới hạn cháy dẻo, phân tích hạt...
4	Cân kỹ thuật FHB H323 320/0.0001g	A6.1	1	Trung Quốc	2024	12/2026	110/2024/HĐ MB/XNDIACHA HAT-TPS	6620		Thí nghiệm phân tích hoá học nước, đất
5	Bộ thí nghiệm giới hạn cháy Humbold H-4228	C3.1	1	Mỹ	2022		022-22/KA	00000891	1377/QĐ-TCKT	Thí nghiệm giới hạn cháy dẻo Casagrande
6	Bộ rây tiêu chuẩn TCVN, ASTM	D4.3 D4.4	2	Trung Quốc	2022		022-22/KA	00000891	1377/QĐ-TCKT	Thí nghiệm phân tích thành phần hạt
7	Tỷ trọng kế đất Alla (152H)	A4.6	2	Mỹ	2014	11/2026	1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm phân tích thành phần hạt
8	Đồng hồ bấm giây Stopwatch 504	A4.9	2	Trung Quốc	2014	4/2027	1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm phân tích thành phần hạt, thí nghiệm nén nhanh
9	Nhiệt kế thủy ngân BRANNAN	A4.7	2	UK	2002-2023	11/2027		00001870	19-1023/KA/BG	Xác định nhiệt độ trong các thí nghiệm
10	Ống đong 1000ml	D4.8	20	Trung Quốc	2022		159-22/KA	00001884	159-22/KA/TL	Thí nghiệm phân tích thành phần hạt, thí nghiệm hoá học nước, đất
11	Máy lọc sàng STSJ-3	C4.2	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm phân tích thành phần hạt
12	Tủ sấy Ecocell 111 Eco MMM	A6.2	1	Đức	2022		159-22/KA	00001884	159-22/KA/TL	Thí nghiệm hoá học nước, đất
13	Tủ sấy Ecocell 111 Eco MMM	A2.1	1	Đức	2025	11/2026	163-25/KA	00002370	163-25/KA	Thí nghiệm độ ẩm

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
14	Bếp điện đơn	D1.4	2	Trung Quốc	2022		159-22/KA	00001884	159-22/KA/TL	Thí nghiệm độ ẩm, thí nghiệm hoá học nước, đất
15	Máy cắt phẳng ứng biến SDJ-1 + vòng lực	A10.1	1	Trung Quốc	2000				Biên bản giao nhận tài sản 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm cắt phẳng
16	Máy cắt phẳng ứng biến từ liên ZJ + vòng lực	A10.2	1	Trung Quốc	2022	3/2027	006-23/KA	00000355	006-23/KA/TL	Thí nghiệm cắt phẳng
17	Máy nén ba trục tự động GEOCOMP + Load cell	A11.1 A11.2	2	Mỹ	2007	7/2026	07312006-TEDISOUTH	199834, 199835	309/QĐ-TCKT	Thí nghiệm nén ba trục
18	Máy nén ba trục TSZ-2.0 + Load cell + Bộ điều khiển máy nén ba trục và có kết	A11.3 A11.4 A11.5	3	Trung Quốc	2002, 2020	7/2026			Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm nén ba trục
19	Máy nén có kết tam liên trung và tháp áp WG1 + đầu đo chuyển vị điện từ	A9.12- A9.32	20	Trung Quốc	2002, 2020	9/2026	1694-HĐKT 2020- 018/HĐKT; 2020-031/ HĐKT	0000789  0000001; 0000002	23/QĐ-TCKT  Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT; 1796/QĐ-TCKT	Thí nghiệm nén nhanh, nén có kết
20	Máy nén có kết tam liên cao áp GDG + đồng hồ so	A9.1- A9.11	10	Trung Quốc	2002	10/2026			Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm nén nhanh, nén có kết
21	Máy đầm nén Proctor TBT.SJS-IHA	C13.2	1	Trung Quốc	2022		159-22/KA	00001884	159-22/KA/TL	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn và cải tiến
22	Máy đầm nén STDJ-3	C13.1	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn và cải tiến
23	Máy nén đa năng Phoenix Auriga 50kN	A14.3	1	Việt Nam	2023	7/2026	01/2023/HD-KHCN	27	01/23/BBNT-TL	Thí nghiệm cường độ kháng nén có nở hông, thí nghiệm nén CBR
24	Bộ cối tạo mẫu CBR	C14.4	20	Việt Nam	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm CBR trong phòng

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
25	Dụng cụ đo thấm (hộp thấm Nam Kinh)	C12.1	1	Trung Quốc	2002				Biên bản bàn giao nhận tài sản cố định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm hệ số thấm của đất
26	Lò nung SX2-2.5-10	A7.1	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm hàm lượng hữu cơ mất khi nung, thí nghiệm hoá học nước, đất
27	Cân kỹ thuật OHAUSS R21PE30 30kg	A13.3	1	Mỹ	2014	11/2026	1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm các chỉ tiêu vật liệu đá, thí nghiệm hiện trường
28	Bàn cân thủy tĩnh	C15.4	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm khối lượng riêng, khối lượng thể tích của cốt liệu
29	Thùng đong 5L, 15L	C15.5	2	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm khối lượng thể tích của cốt liệu
30	Bình rửa mẫu	D15.2	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu
31	Máy nén bê tông (đá) Matest 3000 kN	A16.2	1	Ý	2024	01/2027	180-23/KA	00000419	180-23/KA/BG	Thí nghiệm cường độ nén đá, nén bê tông
32	Khuôn nén đập đá dăm 75mm và 150mm	C15.6	2	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ nén đập trong cốt liệu lớn
33	Máy mài mòn tang quay	C15.7	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ mài mòn Los Angeles
34	Thước cặp cái tiến	D15.8	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn
35	Máy trộn bê tông B-150	C16.4	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Chế tạo mẫu bê tông
36	Bộ khuôn đúc bê tông	C16.5	2	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Chế tạo mẫu bê tông
37	Bàn rung tạo mẫu 1x1 YF	C16.6	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Chế tạo mẫu bê tông
38	Tủ dưỡng ẩm HBV-40B	C16.7	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Bảo dưỡng mẫu bê tông
39	Thiết bị đo độ sụt	C16.8	1	Việt Nam	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ sụt của hỗn hợp bê tông

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
40	Thiết bị thử độ cứng Vebe ZC3-A	C16.9	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông
41	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông H-2783	C16.10		Mỹ	2015				Biên bản giao nhận tài sản cố định số 01	Thí nghiệm hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông
42	Thiết bị đo độ thấm của bê tông HS-40	C16.11	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ chống thấm nước của bê tông
43	Thiết bị đo độ co của bê tông nặng C360-KIT	C16.12	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ co của bê tông
44	Máy trộn bê tông nhựa STLJ-4	C17.2	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Chế tạo mẫu bê tông nhựa
45	Máy đầm mẫu Marshall STMJ-1	C17.3	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall
46	Khuôn Marshall	D17.4	3	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall
47	Kích thước mẫu STTM-3	D17.5	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Chế tạo mẫu bê tông nhựa
48	Bể điều nhiệt Marshall STSY-3	C17.6	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall
49	Máy nén mẫu Marshall	A17.7	1	Ý	1995				Biên bản giao nhận tài sản cố định số 4680/PMU.1-KHĐT	Thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo Marshall
50	Máy ly tâm chiết nhựa STCT-4	C17.8	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm hàm lượng 47 nhựa bằng phương pháp chiết
51	Bộ rây bê tông nhựa	C17.1	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Phân tích thành phần hạt
52	Thiết bị xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa STMD-3	C17.9	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa
53	Thiết bị xác định độ cháy của nhựa HM-56	C17.10	1	Mỹ	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xác định độ cháy của nhựa

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
54	Bộ thí nghiệm xác định độ rỗng của cốt liệu mịn H-1680A	C15.9	1	Mỹ	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xác định độ góc cạnh của cát
55	Máy đo pH EUTECH ECOPHTEST2	A6.7	1	Đức	2004		03-04-XNĐC	0083860	26/QĐ-TH	Thí nghiệm đo độ pH của nước, đất
56	Bộ kích thủy lực	A18.1	1	Trung Quốc	2002				Biên bản bàn giao nhận tài sản cố định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xác định mô đun đàn hồi
57	Cần Benkelman	A18.2	1	Ý	1995				Biên bản bàn giao nhận tài sản cố định số 4680/PMU.1-KHĐT	Thí nghiệm mô đun đàn hồi
58	Côn rót cát	C18.3	1	Trung Quốc	2002				Biên bản bàn giao nhận tài sản cố định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích
59	Máy xuyên tĩnh Gouda 200KN	A18.4	1	Hà Lan	2007		61/HĐKT-GC	01177-10273	06A, ngày 25/01/2007	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT
60	Thiết bị xuyên tĩnh không dây Geotech	A18.5	1	Thụy Điển	2008		802-THS-TEDIS-2008	0140257	1981/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPTu
61	Đầu dò máy xuyên tĩnh không dây	A18.6	1	Thụy Điển	2010		09450/HĐKT 10273	08222-10273	34A/QĐ-GĐ	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPTu
62	Thiết bị cắt cánh bằng cơ Nilcon	A18.7	1	Hà Lan	2002				Biên bản bàn giao nhận tài sản cố định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm cắt cánh
63	Thiết bị đo lực cắt cánh đất H.70	A18.8	1	Na Uy	2022		03-22/TEDIS	12	494/QĐ-TCKT	Thí nghiệm cắt cánh

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản giao nhận tài sản có định số	Ứng dụng
64	Máy nén ngang Menard	A18.9	1	Pháp	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan
65	Thiết bị đo điện trở Model 16GL	C18.10	1	Pháp	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất
66	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	C18.11	1	Ý	1995				Biên bản giao nhận tài sản có định số 4680/PMU.1.-KHĐT	Thí nghiệm CBR hiện trường
67	Thước 3m	D18.12	1	Trung Quốc	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm đo độ bằng phẳng của mặt đường
68	Bộ dụng cụ đo độ nhám mặt đường	C18.13	1	Ý	2014		1598-HĐKT-2014	0006055	2566/QĐ-TCKT	Thí nghiệm đo độ nhám của mặt đường
69	Đầu đo áp suất lỗ rỗng 4500S	A18.14	6	Mỹ	2014		182/HĐKT-2014	0004300	62/QĐ-TCKT	Thí nghiệm đo áp lực nước lỗ rỗng
70	Búa thử cường độ bê tông C.380	A18.15	1	Ý	2015				Biên bản giao nhận tài sản có định số 01	Thí nghiệm xác định cường độ nén của bê tông
71	Bộ thí nghiệm SPT	C18.16	3	Việt Nam, TQ	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT
72	Bộ thiết bị PIT	C18.17	1	Mỹ	2015	2015			Quyết định giao nhận tài sản có định số 75/QĐ-TCKT	Thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp đồng biên dạng nhỏ (PIT)

TT	Tên thiết bị	Số ký hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Thời hạn kiểm định	Hợp đồng mua bán số	Hoá đơn	Biên bản bàn giao thiết bị	Ứng dụng
73	Bộ thí nghiệm xuyên động DCP	C18.18	1	Trung Quốc	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Thí nghiệm xuyên động
74	Máy khoan lõi bê tông	C18.19	1	Ý	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Chế tạo, lấy mẫu bê tông
75	Máy cắt bê tông Tacom TTC-2	C18.20	1	Việt Nam	2002				Biên bản giao nhận tài sản có định số 1659/QĐ-TCKT	Chế tạo, lấy mẫu bê tông

**Ghi chú:**

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung tích, khuôn đúc, tài trọng... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định lý, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định.

### 2.3. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

STT	Họ tên	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp, chứng chỉ	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Minh Hoàng	Kỹ sư địa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Tp. HCM - 1993</li> <li>- Chứng nhận Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – 2007</li> <li>- Chứng chỉ đào tạo Thử nghiệm Bê tông xi măng – 2007</li> <li>- Chứng nhận Kiểm định chất lượng công trình xây dựng – 2014</li> <li>- Chứng nhận hoàn thành Tập huấn tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - 2017</li> </ul>	Trưởng phòng thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý chung về kỹ thuật, nhân sự và thiết bị của Phòng thí nghiệm.</li> <li>- Kiểm tra và xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.</li> </ul>
2	Lê Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng Thạc sỹ kỹ thuật Trường Đại học Bách khoa Tp. HCM - 2004</li> <li>- Chứng chỉ đào tạo Thử nghiệm Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa xây dựng – 2007</li> <li>- Chứng nhận Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng – 2012</li> <li>- Chứng nhận đào tạo Thử nghiệm các chỉ tiêu hoá cốt liệu và nước trong xây dựng – 2015</li> <li>- Chứng nhận đào tạo Thí nghiệm phá huỷ, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông – 2015</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng III – 2023</li> <li>- Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025</li> </ul>	Phó trưởng phòng thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách quản lý chất lượng.</li> <li>- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bê tông nhựa và bột khoáng, hóa nước và nước chiết.</li> <li>- Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.</li> </ul>
3	Trần Duy Khiêm	Kỹ sư địa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Tp. HCM - 2001</li> <li>- Chứng chỉ đào tạo Thử nghiệm Bê tông xi măng – 2007</li> <li>- Chứng nhận Kiểm định chất lượng công trình xây dựng – 2014</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng III – 2024</li> <li>- Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025</li> </ul>	Phó trưởng phòng thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách quản lý kỹ thuật.</li> <li>- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bê tông nhựa, các thí nghiệm tại hiện trường.</li> <li>- Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm.</li> </ul>
4	Phạm Thị Mỹ Dung	Cử nhân khoa học địa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp Đại học Khoa học tự nhiên Tp. HCM – 1997</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng III – 2023</li> <li>- Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông</li> </ul>	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bê tông nhựa và bột khoáng.</li> </ul>

			- 2025		
5	Nguyễn Thành Dương	Trung cấp nghề	- Bằng nghề Trường Trung học GTVT Khu vực 3 – 2002 - Chứng nhận đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng công trình xây dựng – 2015 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bê tông nhựa, các thí nghiệm tại hiện trường.
6	Trần Thị Hiền	Cao đẳng nghề	- Bằng nghề Trường Cao đẳng GTVT Khu vực 3 – 2003 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bột khoáng.
7	Nguyễn Thị Minh Hà	Cao đẳng nghề	- Bằng nghề Trường Cao đẳng GTVT Khu vực 3 – 2005 - Chứng nhận đào tạo Thử nghiệm các chỉ tiêu hoá cốt liệu và nước trong xây dựng – 2015 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, bột khoáng, hóa nước và nước chiết.
8	Phạm Hùng Thắng	Sơ cấp nghề	- Bằng Trung học phổ thông – 2002 - Chứng chỉ Sơ cấp nghề Thí nghiệm xây dựng công trình giao thông - 2008 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bê tông nhựa, các thí nghiệm tại hiện trường.
9	Nguyễn Trọng Tú	Kỹ sư địa chất	- Bằng tốt nghiệp Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội - 1996 - Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng I – 2024 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, các thí nghiệm tại hiện trường. - Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm tại hiện trường.
10	Võ Văn Bình	Kỹ sư địa kỹ thuật	- Bằng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Tp. HCM - 2008 - Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng I – 2024 - Chứng nhận Thí nghiệm viên về Vật liệu công trình giao thông – 2025	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, các thí nghiệm tại hiện trường. - Xuất hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm tại hiện trường.
11	Vũ Đắc Xuân Anh	Cử nhân địa chất	- Bằng tốt nghiệp Đại học Khoa học tự nhiên Tp. HCM – 2019 - Chứng chỉ hành nghề Khảo sát Địa chất công trình Hạng III – 2022 - Chứng chỉ đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn, chuyên ngành xây dựng - 2023	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, hỗn hợp bê tông và đất đá gia cố chất kết dính, bê tông nhựa và bột khoáng.

12	Nguyễn Thị Phương	Cử nhân địa chất	- Bằng tốt nghiệp Đại học Khoa học tự nhiên Tp. HCM – 2023 - Chứng chỉ đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn, chuyên ngành xây dựng - 2023	Thí nghiệm viên	- Vận hành thiết bị thử nghiệm, thử nghiệm các chỉ tiêu về đất xây dựng, thử nghiệm các chỉ tiêu về đá, cốt liệu dùng cho bê tông và vữa, bột khoáng.
----	-------------------	------------------	--	-----------------	---

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải phía Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

*Đặng Minh Hải*

**ĐẠI DIỆN  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Ký tên, đóng dấu)



*Đặng Minh Hải*

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
ĐẶNG MINH HẢI**